

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tấn Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tàu;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Mỹ L – Sinh năm: 1996;

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Bùi Văn T – Sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI LONG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 14/8/2015 (Số 102/2015; quyền 01/2015).

Sau khi kết hôn, chị L, anh T chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, do anh T hay rượu chè rồi về chửi mắng, đánh đập và xúc phạm gia đình chị L; chị L nhiều lần khuyên giải để vợ chồng chung sống nhưng anh T bỏ mặc. Từ đó đến nay cả hai không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L nhận thấy tình cảm đã hết, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L; về con chung: không có, không xét; về tài sản không yêu cầu nên không xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 14/8/2015 (Số 102/2015; quyển 01/2015) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh T có mâu thuẫn do không hợp tính và thường xuyên cãi vã, anh T hay rượu chè rồi về chửi mắng, đánh đập vợ con, chị L nhiều lần khuyên giải để chồng về chung sống hạnh phúc nhưng anh T bỏ mặc, từ tháng 4/2021 đến nay cả hai không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai; quá trình giải quyết vụ án anh T đã thể hiện sự bỏ mặc, không hợp tác để Tòa vận động, hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L: chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Không có, nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chị L phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Bùi Văn T.  
- Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại phiếu thu số 0001765 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Tấn Hồng**





